

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN  
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 04-3-2024  
Về việc ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tạ Thị Nhân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Hoàng Thị Mơ

Bà Hoàng Thị Xuân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Mai Trang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 209/2023/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 11 năm 2023 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2024; Thông báo chuyển ngày xét xử số 01/2024/TB-TA ngày 23 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Hải Báo S (Phan Kỹ Q, Phan Chỉ Q), sinh năm 1951; có mặt.

- **Bị đơn:** Bà Phan Thị D, sinh năm 1951; có mặt.

Cùng địa chỉ: Số 3, Nguyễn Đình C, phường Đông K, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, bản trình bày tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn, ông Hải Báo S trình bày:*

Cuối năm 1968, qua sự mai mối của người nhà, ông Hải Báo S quen bà Phan Thị D và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống. Ông về nhà bà Phan Thị D ở rể từ thời điểm đó (tháng 10/1968). Nhưng lúc đó ông và bà Phan Thị D còn nhỏ nên cả hai tuy ở chung nhà nhưng không sinh hoạt chuyện vợ chồng. Đến năm 1971, ông và bà Phan Thị D mới thực sự chung sống như vợ chồng nhưng đến nay ông và bà Phan Thị D vẫn chưa đi

đăng ký kết hôn. Từ khi ở với nhau, ông và bà Phan Thị D chung sống hòa thuận, hạnh phúc, không nảy sinh vấn đề gì. Mâu thuẫn phát sinh từ năm 2008, nguyên nhân do lúc đó ông cũng đã có tuổi, sức khỏe không còn được tốt như lúc trẻ, các con của ông đã lớn (con gái cả đã học đến lớp 7), có thể phụ giúp việc gia đình. Vì vậy, ông không thể đi làm đồng, làm ruộng như lúc còn trẻ, khỏe mà chỉ có thể tham gia các việc nhẹ nhàng. Ngoài ra, ông được cử đại diện thôn, xóm tham gia dự án Nguyễn Đình C kéo dài và dự án Nam Nguyễn Đình C nên thường xuyên đi họp, đi kiểm đếm cùng đoàn công tác của dự án. Do đó, bà Phan Thị D không hài lòng với ông, cho rằng ông kiếm có để đi chơi, đi đánh bài.

Ngoài ra, ông và bà Phan Thị D có nhiều mâu thuẫn về kinh tế, bà Phan Thị D đổ oan cho ông lấy tiền của gia đình đi chơi gái. Trên thực tế, tiền nhà nước bồi thường thu hồi đất ông cũng đều đưa cho bà Phan Thị D. Năm 2021 khi nhà nước thu hồi đất dự án Nam Nguyễn Đình C thì gia đình ông được bồi thường một khoản tiền, gia đình đã lấy trước 250.000.000 đồng về mua đất bóc mộ cho bố, mẹ đẻ của bà Phan Thị D; số tiền còn lại 360.000.000 đồng, ông chỉ lấy 120.000.000 đồng, còn 240.000.000 đồng ông đưa cho bà Phan Thị D giữ. Dự án Nguyễn Đình Chiểu kéo dài được bồi thường 33.600.000 đồng, ông chỉ lấy 600.000 đồng, còn bà Phan Thị D lấy 30.000.000 đồng, 3.000.000 đồng còn lại bà Phan Thị D nói là bà Phan Thị D cho con gái Phan Thị X. Năm 2020 ông đã nộp đơn xin ly hôn ra tòa, được Tòa hòa giải nên ông đã rút đơn về. Sau đó bà Phan Thị D có mời người về làm then, bà Phan Thị D bảo cháu gái con của chị Phan Thị H mang cho ông cốc nước đục như nước vo gạo, bảo ông uống cho bổ. Ông thấy cốc nước đục nên ông không uống, đổ đi. Chị Phan Thị H lại rót cốc khác bảo con mang cho ông uống nhưng ông cũng không uống. Về sau ông tìm hiểu mới biết bà Phan Thị D mời người về làm then, lấy nước bùa cho bà then về cho ông uống. Sau sự việc xảy ra lần đó khoảng 1 tháng bà Phan Thị D có gọi ông mở cửa lấy lọ dầu bôi. Ban đầu ông không mở cửa nhưng sau đó ông mở cửa ra thì bà Phan Thị D có rắc thứ bột gì lên ngực ông, ông hất tay bà Phan Thị D ra và nói thẳng với bà Phan Thị D rằng từ giờ trở đi bà Phan Thị D có gọi cửa thì ông cũng không mở cửa.

Ông và bà Phan Thị D thực sự ăn riêng, ở riêng từ năm 2021, không còn quan tâm đến nhau và nhìn thấy nhau chỉ thấy chán ghét (trước đó ông bà ở mỗi người 01 nhà nhưng hai nhà liền kề và có cửa thông nhau, ăn thì có thời điểm ăn chung, có thời điểm ăn riêng). Gia đình, con cái biết mâu thuẫn giữa ông, bà, nhưng con cháu trong nhà thì bị bà Phan Thị D lôi kéo nên đứng về phía bà Phan Thị D cô lập ông. Năm 2021 mâu thuẫn xảy ra, ông và bà Phan Thị D cãi vã, các con về phe bà Phan Thị D chửi ông. Khi đang cãi nhau thì anh Phan Văn T đi báo công an. Công an phường Đông Kinh đã xuống hòa giải, lập biên bản. Mâu thuẫn giữa ông và bà Phan Thị D ngày càng trầm trọng. Ông đã nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà Phan Thị D lần này là lần thứ 03. Những lần trước Tòa tổ chức hòa giải nên ông đã rút đơn về. Nhưng sau đó mâu thuẫn giữa ông và bà Phan Thị D vẫn không được cải thiện. Do đó, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Phan Thị D.

Về con chung: Ông và bà Phan Thị D có 04 người con gồm chị Phan Thị M, sinh năm 1976, chị Phan Thị X, sinh năm 1981, anh Phan Văn T, sinh năm 1984, chị Phan Thị H, sinh năm 1989. Hiện các con đều trưởng thành, trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*Theo bản tự khai, biên bản ghi lời khai và biên bản hòa giải, bị đơn bà Phan Thị D trình bày:*

Khoảng năm 1968-1969 ông Hải Báo S tự nguyện về nhà bà ở rề. Thời điểm đó bà còn nhỏ, chưa biết gì, 02 năm sau thì bà và ông Hải Báo S mới sống chung với nhau. Bà và ông Hải Báo S không đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc, ông, bà hoàn toàn tự nguyện chung sống với nhau, không bị ai ép buộc. Năm 2002 vợ chồng bà bán một phần đất đi để xây 02 ngôi nhà liền nhau, vợ chồng và các con cùng nhau ở tại 02 ngôi nhà đó. Năm 2017 anh Phan Văn T cưới vợ, khoảng năm 2021 thì bà và ông Hải Báo S mỗi người sống chung một nhà, bà và con gái là chị Phan Thị M ở tại 01 ngôi nhà, còn ông Hải Báo S ở cùng vợ chồng anh Phan Văn T và chị Hoàng Thị Trang ở ngôi nhà liền kề. Từ khi sống riêng, hai vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, khi bà ốm đau ông Hải Báo S không chăm sóc, còn ông Hải Báo S khi ốm đau thì tự đi mua thuốc uống. Có hôm bà bị ốm, bảo ông Hải Báo S cho bà xin ít dầu Phật Linh để bôi nhưng ông Hải Báo S nhất định không mở cửa. Mâu thuẫn giữa bà và ông Hải Báo S có được gia đình, con cái khuyên nhủ, hàn gắn, các con nói bà về ở với ông Hải Báo S, nấu cơm ăn chung với ông Hải Báo S nhưng ông Hải Báo S không đồng ý. Bà đã nín nhịn ông Hải Báo S rất nhiều nhưng ông Hải Báo S vẫn thường xuyên kiểm soát gây sự, chửi mắng vợ, con. Từ năm 2021 bà và ông Hải Báo S không còn quan tâm đến nhau. Mặc dù vậy, vì nghĩ đến danh dự của gia đình, bà và ông Hải Báo S tuổi đã cao, vì vậy bà không đồng ý ly hôn với ông Hải Báo S, ông Hải Báo S đi đâu bà không cấm, ông Hải Báo S về nhà thì bà và các con không đuổi.

Về con chung: Bà và ông Hải Báo S có 04 người con chung gồm chị Phan Thị M, sinh năm 1976, chị Phan Thị X, sinh năm 1981, anh Phan Văn T, sinh năm 1984, chị Phan Thị H, sinh năm 1989. Hiện các con đều trưởng thành, trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn có ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành nghiêm túc đúng quy định về việc viết bản khai, tham gia phiên họp, phiên hòa giải và cung cấp tài liệu, chứng cứ theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Ông Hải Báo S và bà Phan Thị D không đăng ký kết hôn, nhưng chung sống với nhau như vợ chồng từ khoảng năm 1969. Căn cứ [mục 1 Thông tư liên tịch 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP](#) hướng dẫn thi hành nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09-6-2000 của Quốc hội; Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì cuộc hôn nhân trên là hôn nhân thực tế được pháp luật công nhận là hợp pháp. Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án khẳng định mâu thuẫn giữa ông Hải Báo S và bà Phan Thị D đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Các con chung đều đã trên 18 tuổi; tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của [Bộ luật Tố tụng dân sự](#); Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; [Mục 1 Thông tư liên tịch 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP](#) hướng dẫn thi hành nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09-6-2000 của Quốc hội; [Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14](#), ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xác định hôn nhân giữa ông Hải Báo S và bà Phan Thị D là hôn nhân thực tế được pháp luật thừa nhận nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Hải Báo S đối với bà Phan Thị D; về con chung: Các con của ông Hải Báo S, bà Phan Thị D đã trên 18 tuổi, đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết; về tài sản chung: Đương sự không có yêu cầu; nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết; án phí: Ông Hải Báo S là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Ông Hải Báo S có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân nên xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là ly hôn. Bị đơn bà Phan Thị D có địa chỉ tại Số 3, Nguyễn Đình C, phường Đông K, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở để khẳng định: Năm 1968, ông Hải Báo S và bà Phan Thị D về chung sống với nhau do được mai mối nhưng cả hai đều tự nguyện. Ông, bà được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống, nhưng vì lúc đó cả ông và bà đều còn ít tuổi nên không đăng ký kết hôn và không hề chung sống với nhau. Khoảng 2-3 năm sau ông Hải Báo S và bà Phan Thị D mới thật sự sống chung. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

[2.1] Điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09-6-2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn*

thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000".

[2.2] [Mục 1 Thông tư liên tịch 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP](#) ngày 03-01-2001 của Bộ Tư pháp - Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09-6-2000 của Quốc hội quy định: "*Theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35 của Quốc hội, trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03-01-1987 (ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực) mà chưa đăng ký kết hôn, nếu một bên hoặc cả hai bên có yêu cầu ly hôn, thì Tòa án thụ lý vụ án và áp dụng quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án ly hôn theo thủ tục chung. Cần chú ý là trong trường hợp sau khi quan hệ vợ chồng đã được xác lập họ mới thực hiện việc đăng ký kết hôn, thì quan hệ vợ chồng của họ vẫn được công nhận kể từ ngày xác lập (ngày họ bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng), chứ không phải là chỉ được công nhận kể từ ngày đăng ký kết hôn*".

[3] Như vậy, mặc dù ông Hải Báo S và bà Phan Thị D chung sống với nhau không đăng ký kết hôn nhưng tòa án vẫn xác định đây là hôn nhân hợp pháp, việc ly hôn sẽ tuân theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*".

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Hải Báo S trình bày ông và bà Phan Thị D phát sinh mâu thuẫn từ năm 2008, nguyên nhân do ông tham gia công việc xã hội nên không có thời gian lao động, tăng thu nhập cho gia đình và bà Phan Thị D nghi ngờ ông có quan hệ bất chính, mang tiền trong nhà đi cho người phụ nữ khác. Bà Phan Thị D khẳng định bà không hề phản đối việc ông Hải Báo S tham gia việc xã hội; bà cũng không bao giờ phàn nàn việc ông không lao động ruộng vườn hay việc ông sử dụng tiền như thế nào. Tuy nhiên, bà cũng thừa nhận giữa bà và ông Hải Báo S nhiều lần xảy ra cãi vã; từ năm 2020-2021 ông, bà không còn sống chung, không còn quan tâm đến nhau, ai ốm đau tự đi khám, chữa. Như vậy, giữa ông Hải Báo S và bà Phan Thị D đã nảy sinh mâu thuẫn từ năm 2020 và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Ông Hải Báo S đã 02 lần nộp đơn xin ly hôn với bà Phan Thị D. Do được Tòa án hòa giải, khuyên nhủ nên ông đã rút đơn khởi kiện để hai vợ chồng có cơ hội hàn gắn, đoàn tụ. Nhưng đến nay, mâu thuẫn giữa hai ông, bà vẫn không được hóa giải.

[6] Tòa án đã xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ xác định giữa ông Hải Báo S và bà Phan Thị D có mâu thuẫn và hai người đã sống riêng (ở hai nhà liền kề, có cửa thông nhau chứ không phải tách biệt) được mấy năm nay. Năm 2019

ông Hải Báo S và bà Phan Thị D xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau, đại diện chính quyền địa phương đã đến can thiệp.

[7] Xét thấy, mục đích của hôn nhân là xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, vợ chồng hòa thuận, tin tưởng, tôn trọng, thương yêu nhau. Bà Phan Thị D cho rằng, vì nghĩ đến danh dự của gia đình, do ông, bà tuổi đã cao nên bà không đồng ý ly hôn với ông Hải Báo S. Tuy nhiên, xét thấy mâu thuẫn giữa ông Hải Báo S và bà Phan Thị D đã trầm trọng, hai người không còn tiếng nói chung, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xử cho ông Hải Báo S được ly hôn với bà Phan Thị D là có cơ sở theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[8] Ông Hải Báo S và bà Phan Thị D có 04 người con gồm chị Phan Thị M, sinh năm 1976, chị Phan Thị X, sinh năm 1981, anh Phan Văn T, sinh năm 1984, chị Phan Thị Hiền, sinh năm 1989. Hiện các con đều trưởng thành, trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[9] Về tài sản chung: Ông Hải Báo S và bà Phan Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[10] Về nợ chung: Không có.

[11] Về án phí: Ông Hải Báo S phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, do ông Hải Báo S là người cao tuổi, đã có đơn xin miễn tiền án phí, vì vậy ông Hải Báo S được miễn toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

[12] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[13] Về quyền kháng cáo: Ông Hải Báo S, bà Phan Thị D có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09-6-2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình;

Mục 1 Thông tư liên tịch 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03-01-2001 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09-6-2000 của quốc hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Hải Báo S, xử cho nguyên đơn ông Hải Báo S được ly hôn với bị đơn bà Phan Thị D.

2. Về con chung: Ông Hải Báo S và bà Phan Thị D có 04 người con chung gồm chị Phan Thị M, sinh năm 1976, chị Phan Thị X, sinh năm 1981, anh Phan Văn T, sinh năm 1984, chị Phan Thị H, sinh năm 1989. Hiện các con đều trưởng thành, trên 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Ông Hải Báo S được miễn toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP.Lạng Sơn, T.Lạng Sơn;
- CC THADS TP.Lạng Sơn, T.Lạng Sơn;
- UBND phường Đông Kinh, TP.Lạng Sơn, T.Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tạ Thị Nhàn**